

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 170/2019/DS-PT

Ngày: 04 - 6 - 2019.

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Triều**.

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lê Thị Liên** - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Ông **Huỳnh Văn Hoàng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Trong các ngày 30 tháng 5 và 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 497/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị **Phạm Thị Ngọc S**, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp BL, xã SB, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

2. ***Bị đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp TH, xã TTB, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn **Nguyễn Thị Mỹ D**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc S trình bày:

Ngày 10/7/2016, chị D có vay của chị 28.000.000 đồng, thời hạn là 01 tháng, khi vay có làm biên nhận. Ngày 15/6/2018 (ÂL), chị D tiếp tục vay 4.500.000 đồng và hứa trả trong vòng 01 tháng nhưng không làm biên nhận. Tổng cộng 02 lần vay là 32.500.000 đồng nhưng đến nay chị D chưa trả.

Nay chị yêu cầu chị D trả số tiền 28.000.000 đồng làm 01 lần, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền 4.500.000 đồng khi vay không làm biên nhận nên chị xin rút lại không yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 497/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc S đối với chị Nguyễn Thị Mỹ D.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Ngọc S số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

2/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc S đối với chị Nguyễn Thị Mỹ D về việc chị S yêu cầu chị D trả số tiền 4.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/12/2018, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án tỉnh Tiền Giang xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Mỹ D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị S vì cho rằng đã trả nợ xong.

Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Mỹ D kháng cáo cho rằng, chị đã trả nợ xong cho chị S. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị có cung cấp chứng cứ là đoạn video thỏa thuận về việc chơi hụi trừ nợ và giấy thỏa thuận giao hụi, nhưng hai chứng cứ này không liên quan đến biên nhận ngày 10/7/2016. Tại phiên tòa, nguyên đơn không thừa nhận cần trừ nợ, việc soạn giấy thỏa thuận giao hụi trên để giúp chị S trả nợ nhưng chưa thực hiện thì chị S bỏ trốn. Do đó, án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Chị D không

cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả nợ xong nên yêu cầu kháng cáo của chị là không có cơ sở. Đối với phần lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật nhưng chị D không có yêu cầu phản tố nên không đặt ra xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 497/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do chị Nguyễn Thị Mỹ D nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Giao dịch vay tài sản giữa chị S và chị D xác lập ngày 10/7/2016, trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực và giao dịch này đang được thực hiện nhưng có nội dung về lãi suất khác với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết (theo điểm a Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015). Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 và Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỹ D: Tại phiên tòa chị D cung cấp hai chứng cứ chứng minh đã trả số tiền 28.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/7/2016 cho chị D bằng cách trừ tiền hót hụi. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chứng cứ thứ nhất là đoạn video dài 8 phút 41 được camera nhà chị D ghi lại vào ngày 16/9/2018 có nội dung, chị S đến nhà chị D thỏa thuận với con dâu chị D về việc cho chị D chơi hụi để trừ nợ. Chị S thừa nhận, chị có mặt trong video nói trên với mục đích thỏa thuận với chị D chơi hụi trừ nợ nhưng lúc này chị D đã bỏ nhà đi do vỡ nợ. Vì vậy, chị chỉ trao đổi được với con dâu chị D. Xét thấy, giao dịch vay số tiền 28.000.000 đồng được thực hiện giữa chị S và chị D nên chị S thỏa thuận với con dâu chị D về việc trả nợ bằng cách chơi hụi mà không có mặt chị D là không thể xem xét. Chứng cứ thứ hai là giấy giao tiền hụi khui ngày 30/5/2017 để trừ nợ nhưng giấy này lại lập trước ngày 16/9/2018 (thời điểm chị S gặp gia đình chị D thỏa thuận việc chơi hụi). Chị S thừa nhận có viết giấy giao hụi trên nhưng việc chơi hụi chưa thực hiện vì chị D bỏ đi. Chị viết giấy này vào thời điểm đến nhà chị D thỏa thuận chơi hụi trừ nợ trong đoạn video và giao cho gia đình chị D để chị D biết phương án trả nợ. Thực tế, chị D không có chơi hụi do chị làm chủ vào ngày 30/5/2017 như chị D trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù giấy giao hụi do chị S thừa nhận viết nhưng giấy này không có ngày tháng, nội dung không thể hiện giao hụi để trừ số tiền 28.000.000 đồng. Chị D cũng không xác định được các thành viên tham gia chơi hụi và thời gian tham gia chơi lại trước thời gian chị S gặp gia đình chị D thỏa thuận chơi hụi trừ nợ. Hai chứng cứ do chị D cung cấp mâu

thuần nhau về mặt thời gian và không được chị S thừa nhận nên không đảm bảo tính hợp pháp, tính liên quan, giá trị chứng minh của chứng cứ theo quy định tại Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, không có cơ sở chứng minh, chị D đã trả xong cho chị S 28.000.000 đồng.

Về thời gian trả tiền: Do chị D vi phạm sự thỏa thuận kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt hại cho chị S nên cần buộc chị trả số tiền 28.000.000 đồng khi án có hiệu lực mới phù hợp.

Từ phân tích trên, bản án sơ thẩm buộc chị D có nghĩa vụ trả cho chị S số tiền 28.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị D cho rằng chị vay chị S số tiền 28.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng nhưng chị không có chứng cứ chứng minh, chị S không thừa nhận. Chị S cho rằng, chị thỏa thuận lãi suất vay với chị D là 3%/tháng, chị D đóng lãi đủ từ khi ký biên nhận vào tháng 7/2016 đến tháng 9/2018 (26 tháng) thì bỏ đi. Do hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng có tranh chấp về lãi suất nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, cần áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Xét thấy, mức lãi suất hai bên thỏa thuận vượt quá quy định tại Khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực, số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định cần được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi. Tuy nhiên, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, chị D vắng mặt, chị S chỉ yêu cầu trả vốn, không yêu cầu tính lãi. Chị D cũng không kháng cáo về số tiền lãi đã trả. Do cấp sơ thẩm chưa xem xét về phần lãi chị D đã trả vượt quá quy định nên cấp phúc thẩm không thể xem xét. Để đảm bảo chế độ hai cấp xét xử theo quy định tại Điều 17 Bộ luật tố tụng dân sự, cần tách ra giải quyết bằng một vụ án khác về phần lãi đã trả vượt quá quy định nếu chị D có yêu cầu và còn trong thời hiệu khởi kiện.

Từ phân tích trên, kháng cáo của chị D là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị D không được chấp nhận nên căn cứ Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội chị D phải án phí phúc thẩm.

[6] Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Các bên không thỏa thuận nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015, buộc chị D trả lãi suất chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nếu chị vi phạm.

Theo đơn khởi kiện, chị S yêu cầu chị D trả số tiền 32.500.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả 4.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị S là mâu thuẫn với lập luận của chính Hội đồng xét xử trong phần nhận định của Tòa án. Lẽ ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm phải quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sương mới phù hợp. Vấn đề này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỹ D.

1. Giữ y bản án sơ thẩm số 497/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc S đối với chị Nguyễn Thị Mỹ D.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Ngọc S số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc S đối với chị Nguyễn Thị Mỹ D về việc chị S yêu cầu chị D trả số tiền 4.500.000 đồng.

2. Về án phí; Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 1.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0015491 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị phải nộp tiếp 1.400.000 đồng.

Chị S được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 813.000 đồng theo biên lai số 0015200 ngày 02/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 8 giờ ngày 04/6/2019 có mặt các bên đương sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND Tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THA DS huyện Chợ gạo;
- Đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ánh Phương